

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 652 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 23 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền
của Ủy ban nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 06/TTr-SKHCN ngày 02 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ (Nghị định số 133/2025/NĐ-CP) và Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ (Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN) (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Thời hạn ủy quyền: từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027.

Điều 3. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tổ chức thực hiện các nội dung được ủy quyền tại Điều 1 Quyết định này đảm bảo đúng quy định.

2. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về việc thực hiện các nội dung được ủy quyền. Không được ủy quyền tiếp đối với các nội dung đã được ủy quyền tại Quyết định này.

3. Định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện báo cáo kết quả thực hiện các nội dung được ủy quyền.

4. Chủ động rà soát, cập nhật các quy định hiện hành để tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh nội dung được ủy quyền theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố, các xã, phường; tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Ban KTNS HĐND TP;
- VP UBND TP (2C, 3C);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT.CN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Lâu

Phụ lục

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ỦY QUYỀN

(Kèm theo Quyết định số 652 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)



TT	Tên nhiệm vụ	Cơ sở pháp lý
*	Lĩnh vực Viễn thông	
1	Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, buộc chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông	Điều 4 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
2	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông	Điều 18 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
3	Việc giải quyết đề nghị ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông	Điều 19 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	Điều 20 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
5	Tiếp nhận thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông	Điều 21 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
6	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Điều 22 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
7	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Điều 23 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
8	Gia hạn chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Điều 24 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Điều 25 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
10	Đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kết nối, yêu cầu tạm ngừng, ngừng kết nối hoặc từ chối kết nối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Điều 26 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
11	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá; việc giải quyết đề nghị hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá	Điều 27 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
*	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ	
12	Việc ghi nhận tổ chức đáp ứng điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Điều 5 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ sở pháp lý
13	Việc ghi nhận cá nhân đáp ứng điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Điều 6 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
14	Việc xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Điều 7 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
15	Việc xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	Điều 8 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
16	Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	Điều 9 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
17	Xử lý đơn đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Điều 10 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
18	Cấp phó bản văn bằng bảo hộ (trừ trường hợp yêu cầu cấp phó bản cho các đồng chủ sở hữu tại thời điểm nộp đơn đăng ký quyền sở hữu công nghiệp) và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	Điều 36 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
19	Cấp phó bản, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Điều 37 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
20	Tổ chức kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Điều 38 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
21	Cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Điều 39 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
22	Ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Điều 40 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
23	Chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	Điều 41 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
24	Ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Điều 42 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
25	Kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	Điều 43 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
26	Cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Điều 44 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
*	Lĩnh vực Khoa học và công nghệ	
27	Việc chấp thuận chuyển giao công nghệ	Điều 11 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
28	Cấp giấy phép chuyển giao công nghệ	Điều 12 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ sở pháp lý
29	Cho phép thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài	Điều 13 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
30	Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài	Điều 14 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
31	Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Điều 59 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
32	Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Điều 60 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
33	Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư	Điều 61 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
34	Phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài	Điều 62 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
35	Cấp giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức	Điều 65 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
36	Thu hồi giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao của tổ chức	Điều 66 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
37	Cấp giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân	Điều 67 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
38	Thu hồi giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao của cá nhân	Điều 68 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
39	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao	Điều 69 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
40	Thu hồi giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao	Điều 70 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
41	Cấp giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức	Điều 71 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
42	Thu hồi giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao của tổ chức	Điều 72 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
43	Cấp giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân	Điều 73 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
44	Thu hồi giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân	Điều 74 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP

TT	Fân nhiệm vụ	Cơ sở pháp lý
*	Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện	
45	Cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Điều 28 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
46	Cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Điều 29 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
47	Cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, xử lý ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Điều 30 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
48	Cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Điều 31 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
49	Cấp, cấp đổi, thu hồi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	Điều 32 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
50	Cấp, cấp đổi, thu hồi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	Điều 33 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
*	Lĩnh vực Công nghệ thông tin, Chuyển đổi số	
51	Thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhóm A tại địa phương	Điều 34 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
52	Thẩm định thiết kế chi tiết dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin nhóm A tại địa phương thực hiện theo hình thức báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Điều 35 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
*	Lĩnh vực Năng lượng nguyên tử	
53	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	Điều 45 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ sở pháp lý
54	Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn trong sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT), thiết bị phát tia X trong phân tích nhiều xạ tia X, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	Điều 46 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
55	Tiếp nhận khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiều xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	Điều 47 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
*	Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	
56	Cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Điều 51 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
57	Cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Điều 52 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
58	Cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Điều 53 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
59	Cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Điều 54 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
60	Kiểm tra hoạt động đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp	Điều 55 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
61	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp	Điều 56 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
62	Chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN
63	Điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Điều 5 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN
64	Hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Điều 6 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ sở pháp lý
65	Chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Điều 7 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN
66	Điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường, cấp lại thẻ	Điều 8 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN
67	Hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Điều 9 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN
68	Cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân	Điều 10 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN
69	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận; cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận; cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	Điều 11 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN
70	Cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo	Điều 12 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN